

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 569/2025/DS-PT
Ngày 08-9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 496/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh)

Người đại diện theo ủy của bà Trần Thị G: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là Ấp H, xã L, tỉnh Tây Ninh). (Văn bản ủy quyền ngày 12-8-2024).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Quế P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Quế P: Ông Nguyễn Khắc

Thành Đ, sinh năm 1963;

Địa chỉ: A Chung cư G, C B, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C B, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên hệ: số A B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền 25/01/2025)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trường G1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965,

Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.4 Ông Lin Chuan C, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Ông Nguyễn Khắc Thành Đ, sinh năm 1963;

Địa chỉ: A Chung cư G, C B, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C B, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên hệ: số A B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh. (giấy ủy quyền 27/08/2025)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Quế P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Trần Thị G do bà Nguyễn Thị Thúy H đại diện hợp pháp trình bày:

Bà G và bà Phạm Thị Quế P là bạn bè. Bà G nhiều lần cho bà P vay tiền. Từ giữa năm 2023 đến tháng 11 năm 2023, bà P vay của bà G tổng số tiền là 3.442.000.000 đồng. Bà P tự viết và ký tên vào 03 giấy biên nhận: (1) biên nhận ngày 30/3/2023 (số tiền 2.700.000.000đồng), (2) biên nhận ngày 08/11/2023 (số tiền 3.392.000.000đồng) gồm 2.700.000.000đồng của biên nhận ngày 30/3/2023 chuyển sang cộng thêm 04 khoản khác, (3) biên nhận ngày 14/11/2023 số tiền 50.000.000đồng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 20%/1năm theo quy định pháp luật nhưng không ghi vào biên nhận. Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P không trả. Trong khoản vay trên thì số tiền 2.700.000.000đồng là vay có lãi, 392.000.000đồng là vay không có lãi (250.000.000đồng + 92.000.000đồng + 50.000.000đồng). Bà G khởi kiện yêu cầu bà P: Trả cho bà G số tiền 3.442.000.000đồng tiền vốn vay; Yêu cầu bà P trả tiền lãi của số tiền 3.442.000.000đồng với lãi suất 20%/năm tính từ ngày 08/11/2023 đến ngày xét

xử sơ thẩm. Tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 3.442.000.000 đồng x 09 tháng x 1.67%/1 tháng = 517.332.600 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 350.000.000 đồng và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi theo đơn khởi kiện ban đầu. Hiện bà G chỉ yêu cầu bà P trả 3.092.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi của số tiền 3.092.000.000 đồng x 10%/1 năm tính từ ngày bà P nhận được thông báo thụ lý vụ án (28-8-2024) đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 tháng 10 ngày, tính tròn 04 tháng là 103.066.666 đồng (đã làm tròn số), yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà G yêu cầu duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27-8-2024 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Theo bản tự khai ngày 04/10/2024, biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2024, bản tự khai ngày 28/10/2024, các văn bản tiếp theo, bị đơn là bà Phạm Thị Quế P do ông Lê Văn L đại diện hợp pháp trình bày:

Các biên nhận do bà G cung cấp do bà P tự viết và ký tên nhưng thực tế bà P không còn nợ tiền bà G. Số tiền 2.700.000.000 đồng ghi trong biên nhận ngày 30/3/2023 là tiền lãi cộng dồn của các khoản vay trước. Khi ghi sang biên nhận ngày 08/11/2023 thì tiếp tục tính lãi thành 560.000.000 đồng, bà G yêu cầu bà P ghi tách ra lãi 350.000.000 đồng và 200.000.000 đồng “mượn hôm nay 08/11/2023”. Còn các số tiền 50.000.000 đồng là nợ của V + H1, 92.000.000 đồng là của T2. Do đó bà P không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà P có vay tiền của ông T và có hứa trả cho ông T bằng 04 mét đất tại xã B. Việc tranh chấp giữa bà G và bà P ông T không biết, bà G và bà P tự giải quyết với nhau. Trong vụ án này ông T không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T1 trình bày: Bà P có nợ ông T1 570.000.000 đồng. Ông T1 đã khởi kiện bà P. Vụ tranh chấp giữa G và bà P thì ông không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lin Chuan C có bản khai trình bày: Từ năm 2013 đến năm 2024 ông sống chung với bà G nhưng không đăng ký kết hôn. Tiền bà G cho bà P vay là tiền của ông và tiền bà G bán đất mà ông nhờ bà G đứng tên quyền sử dụng. Hiện ông đã nộp đơn tố cáo bà G tại Công an tỉnh L. Ông C đề nghị tạm dừng xét xử vụ án, đề nghị gỡ bỏ phong tỏa thửa đất 1718, tờ bản đồ số 4 của bà Phạm Thị Quế P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh) đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với bà Phạm Thị Quế P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi 414.265.934 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với bà Phạm Thị Quế P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3. Buộc bà Phạm Thị Quế P phải trả cho bà Trần Thị G tổng số tiền 3.195.066.666đồng, gồm 3.092.000.000đồng tiền gốc vay và 103.066.666đồng tiền lãi.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo cho việc thi hành án.

6. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Quế P phải chịu 95.901.333đồng (chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ một nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị G 55.593.326đồng (năm mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004618 ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, bị đơn bà Phạm Thị Quế P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G và đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, bà P đồng ý trả cho bà G số tiền gốc là 3.092.000.000đồng và 103.066.666đồng tiền lãi, tuy nhiên bà P yêu cầu được cản trừ số tiền bà P hùn với bà G mua đất và đất do bà G đứng tên, đồng thời bà P đề nghị hoãn để bà P thu thập chứng cứ về việc hùn mua đất với bà G nhưng để bà G đứng tên quyền sử dụng đất. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bà P về việc hoãn phiên tòa và cũng không đồng ý với yêu cầu của bà P về việc cản trừ tiền hùn mua đất vào số tiền nợ vay, vì lời trình bày của bà P về việc hùn mua đất là không có căn cứ.

Phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày: Bà P yêu cầu hoãn phiên tòa để thập chứng cứ về việc hùn mua đất với bà G nhưng để bà G đứng tên quyền

sử dụng đất và yêu cầu được cản trừ số tiền hùn mua đất này vào số nợ bà P còn nợ bà G.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G trình bày: Bà P trình bày về việc hùn mua đất và đề nghị cản trừ tiền mua đất vào số tiền nợ là không có căn cứ. Do đó, bà G đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của bà P trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà P trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà P: Bà P đề nghị hoãn phiên tòa phúc thẩm để thu thập chứng cứ về việc bà P hùn mua đất với bà G nhưng để bà G đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu được cản trừ số tiền hùn mua đất vào số tiền bà P còn nợ bà G.

Xét thấy:

[2.1] Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ phúc thẩm ngày 04/8/2025. Ngày 07/8/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm vào ngày 18/8/2025. Ngày 11/8/2025 ông Nguyễn Khắc Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà P xin hoãn phiên tòa ngày 18/8/2025 với lý do cần có thời gian thu thập thêm chứng cứ mới. Tòa án đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/8/2025 và thông báo cho đương sự biết phiên tòa sẽ được mở lại vào ngày 08/9/2025. Đến ngày 05/9/2025 và tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà P tiếp tục đề nghị hoãn phiên tòa ngày 08/9/2025 để thu thập thêm chứng cứ mới. Xét thấy, ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà P đã được triệu tập hợp lệ đến lần 2 để tham gia phiên tòa, do đó ông Đ đề nghị hoãn phiên tòa ngày 08/9/2025 để thu thập thêm chứng cứ mới là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc hoãn phiên tòa ngày 08/9/2025.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận bà P còn nợ bà G số tiền gốc là 3.092.000.000đồng, đồng ý trả cho bà G số tiền gốc là 3.092.000.000đồng và 103.066.666đồng tiền lãi như án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, ông Đ đại diện cho bà P yêu cầu được khấu trừ số tiền bà P đã hùn với bà G để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nhưng để bà G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) vào số tiền bà P còn nợ bà G. Xét thấy, yêu cầu này của bà P chưa được Tòa án

cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án cấp phúc thẩm chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[2.3] Tại đơn kháng cáo ngày 20 tháng 01 năm 2025, bà Phạm Thị Quế P đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G và đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ. Trong đơn kháng cáo này bà P không đề cập, không yêu cầu gì về việc cản trừ số tiền bà P hùn với bà G mua đất. Mặt khác, bà P cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc hùn tiền với bà G mua đất (số tiền bà P hùn bao nhiêu, mua đất năm nào và mua đất ở đâu). Do đó, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà P vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không có căn cứ chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà P về việc đề nghị cản trừ số tiền bà P hùn mua đất với bà G vào số nợ bà P còn nợ bà G.

[2.4] Đối với kháng cáo của bà P yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ. Xét thấy, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên đã được tổng đạt cho các đương sự theo Điều 139 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thời hạn khiếu nại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, như vậy đã hết thời hạn để bà P thực hiện quyền khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, bà P kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà P, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ y bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của bà P không được chấp nhận nên bà P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Quế P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh).

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 148, 228, 244, 266, 271, 273, 471 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với bà Phạm Thị Quế P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền 350.000.000đồng và tiền lãi 414.265.934đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với bà Phạm Thị Quế P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3. Buộc bà Phạm Thị Quế P phải trả cho bà Trần Thị G tổng số tiền 3.195.066.666đồng, gồm 3.092.000.000đồng tiền gốc vay và 103.066.666đồng tiền lãi.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo cho việc thi hành án.

6. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Quế P phải chịu 95.901.333đồng (chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ một nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị G 55.593.326đồng (năm mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004618 ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà P đã nộp theo biên lai thu số 0004930 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

8. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 2 – tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc